

Số: /BVĐKSD-KD

Sa Đéc, ngày tháng 5 năm 2026

V/v yêu cầu báo giá
Gói thầu Mua hóa chất,
vật tư xét nghiệm miễn dịch
cho Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc
năm 2026 - 2028

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm miễn dịch cho Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc năm 2026 - 2028 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc.

Địa chỉ: Số 153 Đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ds. Tổng Thị Hoàng Diệp, Trưởng khoa Khoa Dược; ĐT: 0949.341.036.

- Ds. Đỗ Nam Quan, Phó Trưởng khoa Khoa Dược; ĐT: 0918.858.583.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153 Đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 09h00 ngày 08 tháng 5 năm 2026 đến trước 17h00 ngày 19 tháng 5 năm 2026.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 180 ngày**, kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục yêu cầu báo giá: (Phụ lục I kèm theo).

2. Địa điểm cung cấp: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc.

- Địa chỉ: Số 153 Đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được đơn hàng từ Bệnh viện.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II - III năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Chuyển khoản và thanh toán theo tiến độ.

5. Các thông tin khác:

Hồ sơ Báo giá gồm các tài liệu như sau:

- Báo giá theo mẫu đính kèm (*Phụ lục II kèm theo*).

- Giấy ủy quyền ký báo giá trong trường hợp người ký báo giá không phải là người đại diện theo pháp luật.

- Catalogue tài liệu tính năng kỹ thuật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT BV; mua sam cong;
- TCG;
- Lưu: VT, KD. Diep (02b).

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Tùng

Phụ lục I

(Kèm theo Công văn số /BVĐKSD-KD ngày tháng 5 năm 2026
của Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc)

STT	Tên hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng 24 tháng	Ghi chú
1	Troponin T hs	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng troponin T tim trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	90.000	
2	Troponin T hs Calib	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T hs trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
3	Troponin T hs Control	Dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch Troponin T hs trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	G7/G20	80	
4	Pro BNP	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng peptide lợi niệu natri N-terminal pro tuýp B trong huyết thanh và huyết tương người (ProBNP) Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	25.000	
5	Pro BNP Calib	Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng proBNP trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
6	Pro BNP Control	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng NT-proBNP	mL	G7/G20	80	
7	Cortisol	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương và nước bọt người. Định lượng cortisol được sử dụng để nhận biết và điều trị các rối loạn chức năng của tuyến thượng thận. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang.	Test	G7/G20	25.000	
8	Cortisol Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
9	FT3	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người (FT3)	Test	G7/G20	21.000	

		Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang				
10	FT3 Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT3 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	60	
11	FT4	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương người (FT4) Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	21.000	
12	FT4 Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	60	
13	TSH	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người (TSH) Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	23.000	
14	TSH Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	60	
15	HIV Duo	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1, bao gồm nhóm O, và HIV-2 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	17.000	
16	HIV Duo Control	Dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch HIV Duo trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch.	mL	G7/G20	120	
17	HbsAg	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	22.000	
18	HBsAg Control	Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm HBsAg trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch.	mL	G7/G20	208	
19	Anti HCV	Xét nghiệm Anti-HCV II là một xét nghiệm chẩn đoán in vitro dùng để phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	9.000	

20	Anti HCV Control	Dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HCV trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	60	
21	Beta HCG	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng tổng của kích tố sinh dục màng đệm của người (hCG) và tiểu đơn vị β hCG trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	6.000	
22	Beta HCG Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng HCG+ β trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
23	AFP	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng α 1-fetoprotein trong huyết thanh và huyết tương người Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	3.000	
24	AFP Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng AFP trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	G7/G20	48	
25	CA 125	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng quyết định kháng nguyên phản ứng CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	3.000	
26	CA 125 Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
27	Procalcitonin	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng PCT (procalcitonin) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang.	Test	G7/G20	7.000	
28	Total PSA	Xét nghiệm này, dùng trong chẩn đoán in vitro để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (tự do + phức hợp) trong huyết thanh và huyết tương người (Total PSA) Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	2.000	
29	Total PSA Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng total PSA trên các máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
30	CEA	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên ung thư phổi trong huyết thanh và huyết tương người (CEA) Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	1.500	

31	CEA Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CEA trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
32	Anti-HBs	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	1.000	
33	Anti-HBs Control	Dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HBs trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
34	Anti-TPO	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể kháng thyroid peroxidase trong huyết thanh và huyết tương người. Định lượng kháng thể kháng TPO được dùng hỗ trợ chẩn đoán bệnh tuyến giáp tự miễn. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	9.000	
35	Anti-TPO Calib	Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TPO trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
36	Anit-TPO Control	Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-TPO trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	12	
37	CA 15-3	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người giúp hỗ trợ theo dõi bệnh nhân ung thư vú. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	2.000	
38	CA 15-3 Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA15-3 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
39	CA 19-9	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 19-9 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	2.000	
40	CA 19-9 Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
41	CA 72-4	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm đặc biệt giúp hỗ trợ theo dõi điều trị ung thư dạ dày và ung thư buồng trứng	Test	G7/G20	2.000	

		Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang				
42	CA 72-4 Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
43	Cyfra 21-1	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 (Cyfra 21-1) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	2.000	
44	Cyfra 21-1 Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
45	Control tumor marker	Dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch (AFP, CA 125, CA 15-3, CA 19-9, CA 72-4, CEA, CYFRA 21-1, Ferritin, PSA, HCG, NSE...) trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	144	
46	Control Universal	Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch, kiểm soát xét nghiệm định lượng ≥ 24 thông số miễn dịch	mL	G7/G20	200	
47	Free β hCG	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng β hCG tự do (tiểu đơn vị β tự do của kích tố sinh dục màng đệm ở người) trong huyết thanh người. (Free β hCG) Các thuốc thử trong hộp được đựng trong một bộ các chai sẵn sàng để sử dụng.	Test	G7/G20	3.000	
48	Free β hCG Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng free β hCG trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
49	Free β hCG Control	Hóa chất để kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng free β hCG	mL	G7/G20	12	
50	HE4	Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng HE4 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	1.000	
51	HE4 Calib	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng HE4 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
52	HE4 Control	Dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch HE4 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	40	

53	PLGF	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng yếu tố tăng trưởng nhau thai (PLGF) trong huyết thanh người.	Test	G7/G20	1.000	
54	PLGF Calib	Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng PLGF trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
55	PLGF Control	Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng PLGF	mL	G7/G20	40	
56	SCC	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên ung thư tế bào vảy (SCC) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Các thuốc thử trong hộp sẵn sàng để sử dụng.	Test	G7/G20	2.000	
57	SCC Calib	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng SCC trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
58	SCC Control	Dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch SCC trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch.	mL	G7/G20	40	
59	Syphilis	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính các kháng thể kháng <i>Treponema pallidum</i> (Syphilis) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	10.000	
60	Syphilis Control	Dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Syphilis trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	80	
61	Free PSA	Xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt tự do (free PSA) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	1.000	
62	Free PSA Calib	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng free PSA trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	48	
63	HBeAg	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	1.000	
64	HBeAg Control	Dùng kiểm tra chất lượng xét nghiệm định tính kháng nguyên e của vi-rút viêm gan siêu vi B (HBeAg)	mL	G7/G20	120	

65	Dung dịch rửa 1	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch.	mL	G7/G20	480.000	
66	Dung dịch rửa 2	Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	480.000	
67	Dung dịch tạo tính hiệu	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu.	mL	G7/G20	480.000	
68	Đầu côn/cốc chứa mẫu	Đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng được sử dụng như là vật tư tiêu hao trên máy phân tích miễn dịch.	cái	G7/G20	453.600	
69	Dung dịch vệ sinh điện cực	Dung dịch dùng để vệ sinh điện cực trên máy phân tích. Dùng để vệ sinh máy phân tích miễn dịch.	mL	G7/G20	15.000	
70	Dung dịch pha loãng marker	Dung dịch được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm	mL	G7/G20	360	
71	Dung dịch pha loãng thường quy	Dung dịch được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm .	mL	G7/G20	360	
72	Bộ phận đo mẫu điện cực	Tế bào đo mẫu (Điện cực) sử dụng trên các hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch	cái	G7/G20	1	
73	Rubella IgG	Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng kháng thể IgG kháng vi rút Rubella Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	1.000	
74	Rubella IgG Control	Dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Rubella IgG trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	64	
75	Rubella IgM	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang.	Test	G7/G20	1.000	
76	Rubella IgM Control	Dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Rubella IgM trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	64	
77	CMV IgM	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgM kháng cytomegalovirus Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	1.000	
78	CMV IgM Control	Dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch CMV IgM trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	64	

79	CMV IgG	Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng kháng thể IgG kháng cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Test	G7/G20	1.000	
80	CMV IgG Control	Dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch CMV IgG trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	G7/G20	64	
Tổng cộng: 80 khoản						

Đặc tính và thông số kỹ thuật của máy xét nghiệm miễn dịch tự động Công ty lắp đặt:

Hệ thống bao gồm: Bộ phận điều kiện, bộ phận cung ứng mẫu, mô-đun máy xét nghiệm miễn dịch.

Có chức năng thực hiện chạy mẫu, chỉ định xét nghiệm và trả kết quả, bao gồm quản lý dữ liệu nội kiểm và đường chuẩn.

Khả năng nạp mẫu: ≥ 50 mẫu.

Công suất: ≥ 120 xét nghiệm/giờ.

Loại mẫu bệnh phẩm: huyết tương/huyết thanh, nước tiểu, dịch não tủy, máu toàn phần, dịch khoang miệng, dịch ly giải hồng cầu, dịch phân đã xử lý.

Chức năng phát hiện bọt thuốc thử.

Chức năng chống nhiễm chéo.

Chức năng phát hiện mực chất lỏng.

Chức năng phát hiện mực chất lỏng mẫu.

Chức năng phát hiện cục đông.

Chức năng phát hiện bọt khí.

Đảm bảo kết nối trả kết quả 2 chiều.

Phụ lục II

(Kèm theo Công văn số /BVĐKSD-KD ngày tháng 5 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc)

Mẫu báo giá**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá như sau:

1. Báo giá cho các dịch vụ liên quan

STT	Mã số hàng hóa	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)

Đơn giá trong báo giá đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))